

TÍNH “THỐNG NHẤT TRONG ĐA DẠNG” CỦA VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG ĐÔNG NAM Á

LÊ THỊ LIÊN*

Trước khi tiếp xúc với hai nền văn hóa lớn là Trung Quốc và Ấn Độ, cư dân Đông Nam Á đã có một nền văn hóa bản địa phát triển khá độc đáo - nền nông nghiệp lúa nước, trên tinh thần vừa kế thừa và phát huy vốn văn hóa bản địa truyền thống, vừa tiếp thu có chọn lọc những yếu tố văn hóa mới từ bên ngoài, cho nên, trong kho tàng văn hóa đồ sộ của Đông Nam Á có rất nhiều yếu tố chung, làm nên cái gọi là “khung” Đông Nam Á, song cũng có không ít những yếu tố đặc sắc, riêng biệt tiêu biểu cho mỗi quốc gia, dân tộc. Hay nói một cách khác, văn hóa Đông Nam Á là nền văn hóa “thống nhất trong đa dạng”, theo cách nói của người Indônêxia [4; 13]. Tính “thống nhất trong đa dạng” vừa là đặc trưng chung của văn hóa Đông Nam Á cũng vừa là đặc điểm nổi bật của mỗi quốc gia, dân tộc trong khu vực. Có lẽ, trên thế giới, hiếm có khu vực nào vừa mang tính đơn tuyến, biệt lập vừa mang tính đa tuyến, đan xen nhiều chiều tạo nên những đường đồng quy như

ở khu vực Đông Nam Á.

I. NHỮNG YẾU TỐ TẠO NÊN TÍNH “THỐNG NHẤT TRONG ĐA DẠNG”

1.1. Sự “thống nhất trong đa dạng” của điều kiện tự nhiên Đông Nam Á

Hiện nay, Đông Nam Á bao gồm 11 quốc gia: Brunây, Campuchia, Đông Timo, Indônêxia, Lào, Malaixia, Mianma, Philippin, Thái Lan, Việt Nam, Xingapo. Với sự đan xen, gắn kết cùng nhau giữa các quốc gia trong khu vực, tạo nên bức tranh sinh động, muôn màu: có những quốc gia hoàn toàn là hải đảo như Indônêxia, Philippin với nhiều đảo lớn nhỏ; có quốc gia nằm sâu trong đất liền, cách xa biển như Lào; lại có những quốc gia giáp biển, địa hình bị chia cắt bởi sông ngòi và núi non như Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Mianma; lại có quốc gia bao gồm cả hải đảo và đất liền như Malaixia. Ở một khía cạnh khác, đây là khu vực có sự đối lập giữa vùng đất liền

* Ths. Lê Thị Liên, Bộ môn Lịch sử, Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang

rộng lớn - bán đảo Trung Ấn (các quốc gia lục địa) và quần đảo Mã Lai (các quốc gia hải đảo), nằm ở vị trí bản lề giữa một bên là lục địa Á - Âu rộng lớn, với một bên là Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương mênh mông, Đông Nam Á là chiếc "cầu nối" giữa phương Đông và phương Tây. Vì vậy với vị trí đó, các quốc gia Đông Nam Á có nhiều điểm khác biệt, đa dạng nhưng tất cả đều có điểm tương đồng nhất định về nhau: cùng có những điều kiện thuận lợi, thách thức chung trong quá trình tồn tại, phát triển và tạo lập nền văn minh cổ xưa, và cũng tác động không nhỏ đến quá trình phát triển kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa chung của các nước trong khu vực [1; 13].

Văn hóa núi, văn hóa đồng bằng và văn hóa biển: là ba yếu tố nằm trong một chỉnh thể thống nhất không thể thiếu được của văn hóa Đông Nam Á, trong đó mỗi yếu tố văn hóa tự mang trong mình những đặc trưng riêng. Nếu như ở khu vực lục địa với những cánh đồng phù sa màu mỡ (đồng bằng châu thổ sông Hồng, Mêkông, Mênam, Iraođi, Saluen) thì vùng đồng bằng hải đảo có quy mô nhỏ hẹp hơn, nhưng ngược lại, rừng ở khu vực hải đảo có quy mô và trù phú hơn nhiều so với khu vực lục địa. Bên cạnh những cánh đồng bằng phù sa màu mỡ là hệ thống mạng lưới sông ngòi dày đặc, và đây chính là một nguồn lợi lớn của kinh tế khu vực.

Đông Nam Á được coi là vùng "châu Á gió mùa" bởi đặc trưng nổi trội của khí hậu nóng và ẩm, với hai mùa khá rõ rệt là mùa khô và mùa mưa. Chính đặc trưng của khí hậu nóng ẩm ở nơi đây, cùng với biển và gió mùa đã biến khu vực này

thành thiên đường của thế giới động - thực vật, và là khu vực được mệnh danh "*quê hương của cây lúa nước*" - cây lương thực số một của nhân loại. Như vậy, với điều kiện khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều và có gió mùa là hằng số tự nhiên của văn hóa Đông Nam Á, và nó đã góp phần tạo nên nét đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á - một nền văn hóa "thống nhất trong đa dạng" [4; 17].

Nhìn chung, những đặc điểm của điều kiện tự nhiên Đông Nam Á từ vị trí địa lý, địa hình đến khí hậu đều thể hiện sự đa dạng mà nhất quán, và là một trong những tiền đề quan trọng tạo nên tính "thống nhất trong đa dạng" của văn hóa truyền thống Đông Nam Á.

1.2. Sự "thống nhất trong đa dạng" của dân tộc và ngôn ngữ Đông Nam Á

Hầu hết các quốc gia Đông Nam Á đều là những quốc gia đa dân tộc, song xét về nguồn gốc xuất phát thì các dân tộc Đông Nam Á đều có chung một loại chủng là Mônggôlôit phương Nam (tiểu chủng Đông Nam Á), và sau đó hỗn dung với chủng Ôxtralôit, phân tán thành những nhóm nhỏ sinh sống đều khắp Đông Nam Á. Sự "đồng tộc" trên phổ rộng này là một trong những tiền đề quan trọng tạo nên nhiều điểm tương đồng và khác biệt về con người cũng như văn hóa nơi đây. Tiểu chủng Đông Nam Á được chia thành 5 nhóm nhỏ, phân bố rải rác ở Đông Nam Á [9; 51 - 52]:

Nhóm Anđônêdiên (Indonesien): chủ yếu vùng sâu Indônêxia, Philippin và vùng rừng núi bán đảo Đông Dương.

Nhóm Nam Á (Austro - Asiatic): chủ

yếu các quốc gia lục địa.

Nhóm Nam Đảo (Austronesian): chủ yếu ở Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Brunây, Việt Nam.

Nhóm Vêđôit (Vedoid): cư dân bản địa Indônêxia và phía nam bán đảo Đông Dương.

Nhóm Nêgritô (Negrito): chủ yếu Philippin, Malaixia và phía nam bán đảo Đông Dương.

Nhìn chung, khi xem xét bức tranh về các tộc người Đông Nam Á thì cực kỳ đa dạng và phức tạp, tuy nhiên, xét về nguồn gốc thì hầu hết các tộc người này đều bắt nguồn từ một gốc chung, đó là tiểu chủng Đông Nam Á - Mônggôlôit phương Nam.

Ngôn ngữ Đông Nam Á hiện nay rất đa dạng và phong phú (hơn 1.000 ngôn ngữ) [9; 61], theo các nhà ngôn ngữ học thì trước đây chúng đều có một gốc chung, tạm thời gọi là *ngôn ngữ Đông Nam Á tiền sử*. Sau quá trình tiếp biến, từ ngôn ngữ gốc chung này nó được phân thành các ngữ hệ khác nhau và phát triển theo chiều hướng khác nhau, có thể chia thành 4 ngữ hệ chính [4; 112 - 115]:

Ngữ hệ Nam Á (Austro - Asiatic): phân bố chủ yếu ở các quốc gia Đông Nam Á lục địa, gồm 4 nhóm

a) Nhóm ngữ hệ Môn - Khơme: phân bố ở Mianma, Campuchia, Thái Lan, Việt Nam.

b) Nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao: phân bố ở Việt Nam, Lào, Thái Lan và Mianma.

c) Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường: gồm Việt (Kinh), Mường, Thổ, Chứt.

d) Nhóm ngôn ngữ Nam Á khác: gọi là

nhóm hỗn hợp hay Kadai, đó là các ngôn ngữ ở Việt Nam.

Ngữ hệ Nam Đảo (Austronesia) hay Mã Lai - Đa Đảo: gồm 4 nhóm: Melanesia, Polynesia, Micronesia và Indonesia, phân bố khá rộng chủ yếu ở các quốc gia Brunây, Malaixia, Indônêxia, Xingapo, Philippin, Việt Nam.

Ngữ hệ Thái: phân bố ở Thái Lan, Lào, Việt Nam và Mianma.

Ngữ hệ Hán - Tạng: gồm hai nhóm

a) Nhóm ngôn ngữ Hán: phân bố ở Xingapo, Malaixia, Indônêxia, Mianma, Thái Lan, Việt Nam, Lào, Campuchia, Philippin,...

b) Nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến: phân bố ở Mianma, Thái Lan, Lào, Việt Nam.

Như vậy, bức tranh ngôn ngữ Đông Nam Á cực kỳ phong phú, đa dạng và cũng khá phức tạp, bởi lẽ một ngôn ngữ có thể tồn tại ở nhiều quốc gia và bất kỳ quốc gia nào cũng có hàng chục, thậm chí hàng trăm ngôn ngữ khác nhau, chỉ riêng Indônêxia cũng đã có tới hơn 200 ngôn ngữ đang được sử dụng. Từ mối quan hệ cội nguồn cùng với sự tiếp xúc ngôn ngữ với nhau, vay mượn bên ngoài, làm cho bức tranh ngôn ngữ Đông Nam Á đã đa dạng càng đa dạng hơn [4; 112].

Xin mượn lời của Mai Ngọc Chừ để kết lại: "*Sự đa dạng không hề thủ tiêu tính thống nhất của chúng. Và nếu như nói rằng văn hóa Đông Nam Á là sự thống nhất trong đa dạng thì nhận định đó cũng hoàn toàn chính xác đối với ngôn ngữ - một nhân tố quan trọng của văn hóa và các ngôn ngữ Đông Nam Á là bức tranh*

đa dạng trong sự thống nhất cao độ từ trong cội nguồn của chúng" [4; 112].

1.3. Sự "thống nhất trong đa dạng" của nền kinh tế truyền thống Đông Nam Á

Đông Nam Á là một trong những cái nôi trồng trọt cổ của loài người, vì thế, Đông Nam Á được mệnh danh là nơi đã làm một "cuộc cách mạng nông nghiệp sớm nhất thế giới" [10; 19: sdd]. Theo một số nhà nghiên cứu, Đông Nam Á có những nét chung thống nhất về mặt văn hóa là vì cư dân ở đây lấy sản xuất nông nghiệp lúa nước làm phương thức hoạt động kinh tế chính.

Cây lúa nước đã có mặt ở tất cả các quốc gia Đông Nam Á từ rất sớm và để thích nghi với địa hình, địa thế trong vùng, cư dân Đông Nam Á đã biết trồng lúa khô ở nương rẫy và lúa nước ở vùng thung lũng hẹp châu thổ. Từ đó, nông nghiệp trồng lúa nước đã trở thành nền kinh tế chủ yếu của khu vực và hiện nay là nơi xuất khẩu lúa gạo lớn nhất trên thế giới, điển hình là ở Thái Lan, Việt Nam.

Ngoài nền kinh tế nông nghiệp thì cư dân Đông Nam Á còn có cả một hệ thống nghề khác, trong đó nổi bật là nghề sông biển: đánh bắt cá và hàng hải. Các nước Đông Nam Á hầu hết đều giáp biển (trừ Lào) và có những con sông lớn chảy qua, cho nên, việc đánh bắt cá trên sông biển đã đem lại nguồn thức ăn dồi dào cho cư dân nơi đây. Bên cạnh đó, cư dân Đông Nam Á còn chủ động tham gia vào các tuyến đường buôn quốc tế trên biển, như vậy, khu vực này không chỉ là một trạm trung chuyển mà còn tham gia vào đường buôn bằng những sản phẩm bản địa như

hương liệu, gia vị,...

2. SỰ "THỐNG NHẤT TRONG ĐA DẠNG" VỀ ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT

2.1. Ăn

Cư dân Đông Nam Á - chủ nhân của nền văn hóa lâu đời, rực rỡ, đều là những cư dân nông nghiệp trồng lúa nên nét đặc sắc nhất trong nền văn hóa ấy thể hiện rõ qua các món ăn truyền thống của mình, theo công thức thứ tự ưu tiên như sau:

Bữa ăn = cơm + rau (củ, quả,...) + nước chấm + thủy, hải sản (cá, cua, tôm,...) + thịt (gà, lợn, bò,...)

Cơm là nguồn thức ăn chính và chủ yếu của cả cộng đồng cư dân Đông Nam Á, trong đó rau, củ, hoa quả, là những thức ăn sẵn có ngoài ruộng, vườn, và có thể chế biến rau bằng nhiều cách khác nhau như ăn sống, luộc, nấu canh, xào, muối chua,...

Như vậy, thức ăn chủ yếu của cư dân Đông Nam Á là thực vật, tuy nhiên nếu chỉ dùng thực vật thì chưa đủ, vì vậy, cư dân Đông Nam Á còn chú trọng các món ăn giàu đạm. Là vùng sông nước nên việc đánh bắt cá rất dễ dàng, vì vậy, cư dân Đông Nam Á rất coi trọng cá trong bữa ăn của mình. Cá được chế biến theo nhiều cách như luộc, nướng, kho, rán, nấu canh,... Từ cá, người Đông Nam Á còn chế biến ra một loại thức ăn khá phổ biến trong toàn vùng, đó là nước mắm, có thể dùng như một loại nước chấm, cũng có thể chan trực tiếp vào cơm như một loại thức ăn. Ngoài cá thì những sản phẩm động vật gắn liền với công việc đồng áng như tôm, cua, ốc,... cùng với các loài thủy, hải

sản. Ngày nay, với cuộc sống ngày càng hiện đại thì những thức ăn tự nhiên ngày càng cạn kiệt, cư dân Đông Nam Á sử dụng phổ biến thức ăn nhiều thịt. Vì vậy, các loại thịt: gia súc, gia cầm, càng về sau càng trở nên quan trọng, là nguồn dùng để cung cấp chất dinh dưỡng cho con người. Tuy mỗi nơi, mỗi dân tộc có những khẩu vị và cách ăn riêng, nhưng công thức bao trùm của bữa ăn của người dân Đông Nam Á là cơm - rau - cá (thịt).

Tùy vào mỗi quốc gia mà cách chế biến thức ăn có sự khác nhau, và mỗi dân tộc đều có những món ăn riêng biệt của mình tạo nên sự phong phú, đa dạng cho văn hóa ẩm thực Đông Nam Á. Cơm là món ăn thông thường của dân tộc Đông Nam Á nhưng, đôi khi, ở một số dân tộc, cũng có những món cơm riêng rất nổi tiếng, chẳng hạn: cơm lam của người Lào và của một số dân tộc ở Việt Nam, cơm rang (nasi goreng), cơm rau sống (nasi ulam) của người Melayu ở Malaixia, Indônêxia, Brunây [4; 172]. Ở Campuchia phần đông là thích ăn mắm pra hóc, còn ở Philippin thích món tapa (thịt của trâu bò ướp muối, phơi khô rồi đem chế biến). Hay món ăn truyền thống và đặc trưng nhất của người Mianma là ngapi (cá mắm), món ăn ưa thích của người Thái Lan là nạm pia (mắm ruốc cá), người Việt Nam cũng thích chế biến mắm trong bữa ăn của mình.

Trong bữa ăn truyền thống của cư dân Đông Nam Á không thể không có các loại gia vị như tiêu, ớt, rau thơm các loại. Như vậy, có thể dễ dàng thấy sự thống nhất của văn hóa Đông Nam Á đã được hình

thành trên nền tảng vững chắc là kinh tế nông nghiệp lúa nước và sự phong phú, đa dạng của nguồn lương thực nơi đây. Dù các nước ở ngoài hải đảo hay trong lục địa, người ta đều có thể bắt gặp những phong cách văn hóa ẩm thực có rất nhiều điểm tương đồng.

2.2. Mặc

Có thể thấy trong văn hóa mặc ở Đông Nam Á, cư dân đã lựa chọn trang phục chủ yếu là để trần, đóng khố, mặc váy cho phù hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm của vùng. Không chỉ đàn ông để trần, mà cả phụ nữ cũng để trần bộ ngực trong những lúc sinh hoạt bình thường, chỉ khi trời lạnh hoặc vào những dịp lễ hội đặc biệt thì họ mới có trên người hoặc chiếc áo hoặc tấm choàng, và đồ trang sức [6;], hình ảnh này quá quen thuộc trên chiếc trống đồng thời kỳ văn hóa Đông Sơn ở Đông Nam Á.

Khố là đồ mặc phổ biến ở Đông Nam Á, và nó thường được làm bằng vỏ cây hay một loại vải thô hình chữ T, là y phục chủ yếu của đàn ông, tuy nhiên chiếc khố vẫn được nữ sử dụng như là y phục thường nhật của mình như miền Trung Thái Lan, phụ nữ dân tộc Samrê của Campuchia [6; 150 - 151].

Ở hầu hết các dân tộc ở Đông Nam Á, váy (sa rông) cũng được cư dân nơi đây ưa chuộng, đặc biệt là các dân tộc ít người, là đồ mặc đặc trưng của phụ nữ, từ những vùng hải đảo xa xôi: Malaixia, Indônêxia, Philippin, Brunây đến tận các vùng rừng núi lục địa: Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Mianma, Lào. Tuy nhiên, váy không

phải là trang phục độc quyền của phụ nữ, mà ở một số nơi, một số tộc người cả nam lẫn nữ đều mặc váy, thí dụ như người Kachin (Mianma); Naga (biên giới Ấn Độ - Mianma); người Songa (Thái Lan và Campuchia) [6; 152 - 153].

Sau giai đoạn cởi trần, y phục bên trên người của cả đàn ông và đàn bà là chiếc Áo ngắn được làm từ vải bông hay vải gai và thường không có ống tay. Trước khi người ta sử dụng chiếc quần thay thế chiếc khố thì, nhiều dân tộc ở bán đảo Trung Ấn đã dùng xà cạp để quấn chân, riêng phụ nữ còn sử dụng một loại y phục đặc biệt để che ngực, đó là yếm. Tiếp đến, một kiểu trang phục khác, không kém phần đặc sắc, gắn với cách ăn mặc ngày nay là áo chui, đây là một kiểu áo được nhiều dân tộc ở Đông Nam Á. Ở hầu hết các nước Đông Nam Á phổ biến nhất là áo tay ngắn đối với nam và áo cánh đối với nữ. Các loại áo của nam cũng như của nữ trong vùng Đông Nam Á có nét đặc trưng cơ bản là ngắn tay và được thể hiện ở hai kiểu là áo xẻ ngực (dạng sơ khai của nó là áo chui đầu) và áo xẻ nách (kiểu áo Mông Cổ). Các loại áo này có chung đặc trưng là không có cầu vai, tuy phân loại như vậy, nhưng thực ra áo của các cư dân Đông Nam Á trong vùng hết sức đa dạng. Sự đa dạng của chúng được thể hiện ở chủng loại, các hoa văn trang trí, màu sắc và ngay cả trong cách ăn mặc. Sự đa dạng này là do điều kiện địa lý cảnh quan hoặc do tác động của nền văn hóa ngoại lai, nó biến đổi theo thị hiếu, mốt của thời đại.

Khố, váy là y phục vừa cổ xưa vừa chung nhất trong nhiều dân tộc và tộc người ở Đông Nam Á. Nhưng theo thời

gian, nhiều kiểu y phục bên ngoài du nhập vào Đông Nam Á và hình thành nên những kiểu dáng khác nhau, cải tiến cho phù hợp với cuộc sống của cư dân nơi đây. Tuy vậy, một số tộc người ở Đông Nam Á vẫn sử dụng váy, khố là trang phục riêng của mình, đây là nét truyền thống độc đáo của cư dân Đông Nam Á.

2.3. Ở

Có thể nói, ở khu vực Đông Nam Á, có một kiểu nhà vừa là một phong tục chung vừa độc đáo mà cũng mang tính chất đặc trưng nổi bật nhất của toàn khu vực là nhà sàn. Nhà sàn ở Đông Nam Á được kết cấu sàn - khung và làm chủ yếu bằng tre, nứa, và dùng gỗ để làm những bộ phận chịu như cột sàn, cột nhà... Hầu hết các nhà sàn ở Đông Nam Á đều có hiên rộng ngay trước cửa, từ hiên nhà có chiếc thang gỗ để lên, xuống và làm bằng nhiều bậc, rất chắc chắn, là nơi mọi người trong gia đình làm việc (quay tơ, dệt vải), nghỉ ngơi, chuyện trò, thậm chí còn là nơi để ăn uống, ca hát [4; 188].

Do Đông Nam Á là khu vực vùng sông nước, do vậy, để đối phó với nạn lũ lụt quanh năm, cư dân ven sông, ven biển - nơi đối mặt hàng ngày với nước đã chọn cho mình một khu nhà "cao chân" rất thích hợp cho cuộc sống nơi đây. Người ta cũng dễ dàng nhận thấy những ngôi nhà sàn mọc san sát dọc bờ biển Boócneo, dọc các kênh rạch Nam Bộ (Việt Nam),... Nhà sàn không chỉ thích hợp với vùng sông nước mà còn rất phổ biến ở những vùng núi cao, bởi vì nó có tác dụng thiết thực trong việc ngăn cản thú dữ và côn trùng

gây bệnh cho con người, và nhà sàn cũng xuất hiện ở một số vùng đồng bằng, nhất là những vùng đất thấp hay lụt lội hàng năm [4; 186 - 187]. Tuy nhà sàn đã trở thành nét thống nhất, phổ biến chung trong kiến trúc nhà ở của cư dân Đông Nam Á, nhưng ở mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi vùng miền khác nhau lại có những nét riêng biệt, độc đáo cả về hình thức, kích thước lẫn cách bày trí.

Tóm lại, với điều kiện khí hậu nóng, ẩm và hoạt động sản xuất chủ yếu là nông nghiệp nên cư dân Đông Nam Á rất thích hợp cho cuộc sống sinh hoạt của nhà sàn, và chính vì những ưu điểm của nó mà nhà sàn đã trở thành kiểu kiến trúc dân gian phổ biến trên toàn Đông Nam Á.

3. SỰ “THỐNG NHẤT TRONG ĐA DẠNG” VỀ ĐỜI SỐNG TINH THẦN

3.1. Tín ngưỡng

Xuất phát từ thuyết “vạn vật hữu linh”, người Đông Nam Á đã sáng tạo ra một hệ thống các tín ngưỡng sùng bái tự nhiên như tín ngưỡng thờ mặt trời, thờ thần nước, tục thờ hồn lúa, thờ loài vật,... ở mỗi quốc gia, các nghi thức hành lễ và tên gọi đó cũng rất khác nhau, được quy định bởi phong tục tập quán và tôn giáo ở chính nước đó, điều này đã tạo nên sự thống nhất nhưng cũng hết sức đa dạng trong đời sống tâm linh của cư dân nơi đây.

Tục thờ thần mặt trời xuất hiện từ rất sớm ở Đông Nam Á, qua khắc hình mặt trời lên trống đồng, thạp đồng, hơn thế nữa, tín ngưỡng này còn được thể hiện trong nhiều sinh hoạt văn hóa dân gian: thả đèn trời tưng bừng ở khắp các làng

quê như ở Mianma; lễ hội rước đèn trung thu vào tháng 8 âm lịch ở Việt Nam; hội hoa đăng ở Lào, Campuchia, Thái Lan và Indônêxia được tập trung vào việc kết đèn hoa cho những con tàu thả trôi theo dòng nước [11; 90]; còn ở Thái Lan, những bè chuối được làm theo nhiều hình dạng khác nhau, trên đó là ngọn đèn hay nến. Bên cạnh đó, đêm hội hoa đăng ở Brunây, Malaixia, Philippin cũng tưng bừng lộng lẫy chẳng kém.

Gắn liền trực tiếp với công việc đồng áng của cư dân nông nghiệp Đông Nam Á là đất, nước và các hiện tượng mây, mưa, sấm, chớp (pháp Vân, pháp Vũ, pháp Lôi, pháp Điện) do đó, cư dân Đông Nam Á cũng tôn thờ các vị thần này. Đối với cư dân nơi đây, cây lúa là tất cả cuộc sống của họ, cho nên họ tôn thờ hồn lúa, bên cạnh đó, họ sùng bái một số động vật như rồng, hổ, cá sấu, hạc, rùa, rắn, voi,... trong đó, con rồng đã trở thành biểu tượng đặc sắc của văn hóa Đông Nam Á [4; 127].

Biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực ở Đông Nam Á cũng rất đa dạng, đặc sắc nhất là tục thờ sinh thực khí, tục thờ này có từ trong cơ tầng văn hóa Đông Nam Á nguyên thủy, phổ biến rộng rãi ở Thái Lan, Campuchia, Indônêxia, Malaixia, Mianma, Việt Nam [4; 130].

Việc thờ cúng tổ tiên vừa có ý nghĩa biết ơn cội nguồn, vừa thể hiện lòng ước muốn sự phù hộ, độ trì của tổ tiên cho người còn sống, vì vậy, đây cũng là một nét văn hóa đặc trưng trong tín ngưỡng nhiều dân tộc Đông Nam Á. Ở nhiều gia đình Đông Nam Á, trong đó có các gia đình Việt Nam, bàn thờ tổ tiên thường

được đặt giữa nhà và ở nơi cao ráo, sạch sẽ, sang trọng. Có một điều đáng lưu ý rằng, ngay cả khi các tôn giáo từ Trung Quốc, Ấn Độ, phương Tây tràn vào thì cư dân Đông Nam Á vẫn phát huy mạnh mẽ tục thờ cúng tổ tiên. Ở đảo Bali (Indônêxia), mặc dù Ấn Độ giáo cực kỳ phát triển, song người dân địa phương vẫn vừa thờ cúng Thần Siva vừa thờ cúng tổ tiên, ông bà. Ở Philippin, có điện thờ cúng tổ tiên trong nhà mặc dù họ là người công giáo thực thụ, và nhà thờ Cơ đốc giáo buộc phải chấp nhận, thậm chí cả những dân tộc sùng bái Hồi giáo cũng tôn trọng việc thờ cúng tổ tiên [4; 131].

Ngoài việc thờ cúng tổ tiên thì cư dân Đông Nam Á còn có tục thờ các thần Thành Hoàng, các vị anh hùng dân tộc, những người sáng lập ra bộ lạc, bộ tộc. Tục này không chỉ có ở Việt Nam mà còn xuất hiện ở nhiều nước Đông Nam Á khác như Lào, Thái Lan, Campuchia, Mianma, Philippin, Malaixia, Indônêxia, Xingapo [4; 132].

3.2. Lễ hội và phong tục tập quán

Lễ hội

Ở Đông Nam Á, trong các lễ hội thì phổ biến nhất là lễ hội nông nghiệp, mà trong đó quan trọng nhất là lễ hội liên quan đến: *cây lúa*. Tuy nhiên, cũng cùng là lễ hội nông nghiệp nhưng hình thức biểu hiện của chúng ở từng nước, từng dân tộc lại khác nhau, do tác động của tín ngưỡng tôn giáo và tập quán dân gian. Lễ hội nông nghiệp thường gắn liền tới các hoạt động liên quan đến mùa màng, gieo trồng và gặt hái, mà quan trọng là: lễ mở đường

cày của người Thái, lễ xuống đồng hay tịch điền của người Việt, lễ dựng chòi cày của người Chăm, lễ ban phát giống thiêng và lễ té nước của người Khơme ở Campuchia, lễ đường cày hạnh phúc của người Mianma,... Vào những giai đoạn tiếp theo của cây lúa, tùy vào quan niệm của từng dân tộc mà họ có cách biểu hiện khác nhau [4; 159: sdd]. Bên cạnh cây lúa, các lễ hội: tín ngưỡng hồn lúa, tín ngưỡng phồn thực, thờ nước, thờ thần mặt trời cũng diễn ra trong các lễ hội truyền thống Đông Nam Á ở những mức độ khác nhau [11; 52 - 99].

Ngoài lễ hội nông nghiệp, ở Đông Nam Á còn có các lễ hội tôn giáo như Thái Lan, Mianma, Việt Nam, Lào, Campuchia có các lễ hội bày tỏ lòng thành kính đối với Đức Phật; còn ở Indônêxia, Malaixia, Brunây tổ chức lễ kỷ niệm sinh nhật Môhamát; hay Philippin có lễ Nôen của Chúa. Bên cạnh đó, Đông Nam Á còn có lễ hội thờ cúng tổ tiên, kỷ niệm những vị anh hùng dân tộc, những vị thánh nhân gắn liền với vùng đất họ đang sinh sống.

Trong các lễ hội ở Đông Nam Á, có lễ hội đặc biệt quan trọng và có quy mô quốc gia, dân tộc, thu hút tất cả mọi người tham gia, gọi chung là Tết. Tết Nguyên đán là lễ hội đặc trưng nhất của bản sắc văn hóa dân tộc Đông Nam Á, tuy thời gian Tết của các quốc gia là không giống nhau, song tính chất và mục đích thì khá giống nhau. Các dân tộc Thái Lan, Lào, Campuchia, Mianma được tổ chức vào thời gian chuyển tiếp của mùa khô và mùa mưa (giữa khoảng tháng Tư dương lịch), đây là dịp bước vào vụ gieo trồng, vạn vật tươi mát, có sức sống mới. Còn ở

Việt Nam, Tết được tổ chức vào mùa xuân, mùa của sự sinh sôi nảy nở, mục đích cầu may, cầu sự phồn thịnh trong năm mới. Đối với thế giới Hồi giáo ở Malaixia, Indônêxia, Brunây, Philippin và Xingapo thì Tết Hari Raya Aidilfitri được tổ chức vào khoảng thời gian sau Tết Nguyên đán Việt Nam một tuần, được tổ chức sau một tháng nhịn ăn, nhịn uống ban ngày, với ý nghĩa là giúp con người đứng vững vì cuộc sống no đủ mà quên cảnh đói nghèo và họ cũng chúc tết cùng nhau [4; 164 - 166].

Ngoài Tết Nguyên đán, cư dân Đông Nam Á còn tổ chức những lễ hội quan trọng và cũng được gọi là Tết: Tết của người Ấn Độ sống ở Đông Nam Á (đầu tháng 2), Tết của người Bali (Indônêxia) diễn ra ở bờ hồ, sông, gắn liền với việc thờ cúng thần Mặt Trời, thần Biển, thần Đất, hay Tết Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch), Tết Trung Thu (rằm tháng 8 âm lịch) [1; 70].

Nhìn chung, Tết nói riêng và lễ hội nói chung là một biểu hiện đặc sắc của văn hóa truyền thống Đông Nam Á. Các hình thức lễ tết và lễ hội của các dân tộc Đông Nam Á rất phong phú, đa dạng và có thể gắn liền với việc mang những sắc thái tôn giáo khác nhau nhưng đồng thời vẫn có một gốc văn hóa chung thống nhất, mang tính khu vực, đó là sự phản ánh bản sắc văn hóa của cư dân nông nghiệp lấy cây lúa nước làm nguồn thực phẩm chính cho cuộc sống của mình.

Phong tục tập quán

Cưới xin: Trong khu vực Đông Nam Á, tục cưới xin có nhiều điểm khác biệt giữa các quốc gia, các dân tộc trong một quốc

gia, bởi vì nó gắn liền với quan niệm tín ngưỡng, tôn giáo, lối sống và nền tảng kinh tế. Nhưng yếu tố chung nhất trong quan niệm hôn nhân ở Đông Nam Á là “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, phổ biến ở Việt Nam, Malaixia, Indônêxia, Brunây, Campuchia [4; 173]. Cho đến tận ngày nay, có một ít dân tộc vẫn còn quan niệm ông bà, cha mẹ quyết định hôn nhân cho con cái, tuy nhiên, theo đà phát triển của xã hội thì tập quán này dần dần bị mai một.

Một yếu tố khác, hoàn toàn trái ngược hẳn với quan niệm cha mẹ sắp đặt hôn nhân cho con cái, đó là việc nam nữ thanh niên tự do đi tìm bạn đời của mình, “*việc tìm bạn đời được tiến hành thông qua các sinh hoạt văn hóa dân gian như hát đối đáp nam nữ, thổi sáo, thổi khèn gọi bạn tình*” [4; 174]. Các phiên chợ, lễ hội hay các sinh hoạt văn hóa cộng đồng,... là dịp để thanh niên nam nữ tìm bạn đời ở nhiều dân tộc Đông Nam Á.

Một phong tục mang đậm nét văn hóa cổ truyền Đông Nam Á trong vấn đề hôn nhân là tục: “cướp dâu”, và tục này hiện nay vẫn còn tồn tại trong một số ít các dân tộc trong khu vực Đông Nam Á.

Thủ tục cưới xin ở các dân tộc Đông Nam Á là hoàn toàn không giống nhau nhưng về cách thức tổ chức vẫn thường trải qua ít nhất hai bước là lễ ăn hỏi và lễ cưới. Trong đó, lễ hỏi là hình thức nhà trai mang lễ vật đến nhà gái xin được cưới làm vợ, còn lễ cưới là hình thức công bố với gia tộc, họ hàng và bà con láng giềng về sự kết hôn chính thức của hai họ. Nói chung, lễ cưới của tất cả các dân tộc ở Đông Nam Á

thường tổ chức khá linh đình, trọng thể.

Tang lễ: Trước khi bước vào xã hội văn minh, cư dân nguyên thủy Đông Nam Á đã thực hiện tục chôn người chết trong lòng đất với các tư thế nằm, ngồi, bó chân,... Khi xã hội bước vào giai đoạn phát triển cao hơn thì ở Đông Nam Á chủ yếu xử lý đối với người chết bằng hai cách thức là địa tang và hỏa táng. Và, phong tục tang lễ ở Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng bản địa và tôn giáo của vùng trong quá trình hình thành, biến đổi và lan tỏa, cho nên phong tục này ở mỗi quốc gia, mỗi dân tộc trong khu vực Đông Nam Á cũng có sự khác biệt và đa dạng. Song, phong tục tang lễ ở Đông Nam Á cũng có những điểm chung nhất định.

Tang lễ dù được diễn ra dưới hình thức địa tang hay hỏa tang thì các nghi thức ban đầu trong tang lễ cũng được thực hiện rất trang trọng: chọn ngày giờ, thủ tục khâm liệm, tế lễ, tang phục, các đồ thờ cúng cho đến các nghi thức tẩm liệm, phát tang đều được thực thi cẩn thận và chu đáo, do những người đã có tuổi, nhiều kinh nghiệm đảm trách thủ tục [1; 75]. Trong khi chôn người chết, một phong tục phổ biến ở Đông Nam Á là "*chôn theo người chết những thứ cần thiết cho cuộc sống và những thứ mà khi còn sống họ ưa thích*", thông thường là chôn theo tiền, gạo vì đó là những thứ thiết yếu nhất đối với cuộc sống con người. Việc khóc hay không khóc trong tang lễ là phụ thuộc vào quan niệm của từng dân tộc. Nếu như người Việt, cư dân trên đảo Philippin cho rằng khóc là biểu hiện lòng thương nhớ khôn nguôi đối với người quá cố thì với những người theo đạo Hồi như Malaixia,

Indônêxia, người ta cho rằng khóc sẽ làm cản trở linh hồn người chết trở về bên kia thế giới vĩnh hằng [4; 177].

Cư dân Đông Nam Á phổ biến trong phong tục hỏa táng, chủ yếu những người theo đạo Phật: Campuchia, Lào, Thái Lan, Mianma, Indônêxia [4; 177]. Một số dân tộc trong phong tục tang lễ kiểu địa tang, còn có tục cải mả (đào hài cốt lên và chôn lại ở một nơi đã lựa chọn), hay tục bỏ mả (cúng tế người đã khuất 3 năm để người đã khuất và người còn sống không còn cản trở nhau) [1; 76 - 77].

Trong tâm thức của người dân Đông Nam Á thì người chết linh hồn lìa khỏi thể xác nhưng linh hồn vẫn tiếp tục hiện hữu, cho nên, tang lễ là bày tỏ sự kính trọng với linh hồn của người đã khuất. Cũng có một quan niệm phổ biến trong khu vực Đông Nam Á là sợ hồn người chết về quấy phá hoặc bắt đi những người thân trong gia đình, do đó người ta có tục cúng bái với người đã khuất: hoa quả, gà, lợn, cơm, xôi, trứng,... tùy thuộc vào từng dân tộc, tôn giáo.

Nhai trầu: Từ thời xa xưa, trầu cau đã trở nên quen thuộc đối với cư dân Đông Nam Á như cơm ăn, nước uống hàng ngày. Lá trầu, quả cau có mặt ở hầu khắp các nơi ở Đông Nam Á như phía bắc Mianma, Thái Lan, Việt Nam, Campuchia đến các quốc gia hải đảo Malaixia, Indônêxia, Philippin,... Trầu cau gắn liền với các nghi thức trong cuộc sống đời thường như cưới xin, ma chay, lễ hội, ngày Tết, và có ý nghĩa biểu trưng cho tình yêu đôi lứa, tình nghĩa vợ chồng,... Trầu cau đối với người dân Đông Nam Á còn có ý nghĩa như là

làm sạch và chắc răng, rèn luyện lòng kiên nhẫn, tình thân Ái, đoàn kết xóm làng, sự hòa nguyện vào nhau, do đó, miếng trâu là một biểu hiện đặc sắc của văn hóa Đông Nam Á.

Ngoài ra, ở Đông Nam Á còn có các phong tục như: tục cưa và nhuộm răng đen; tục xăm mình,... đều thể hiện những tính nhất quán cũng như vẻ phong phú, đa dạng của những tập tục này.

3.3. Nghệ thuật biểu diễn

Như đã nói, văn hóa truyền thống Đông Nam Á là văn hóa của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, do vậy, nghệ thuật biểu diễn truyền thống của Đông Nam Á gắn chặt với chủ đề sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, các hình thức sinh hoạt văn hóa của cư dân nơi đây là hết sức phong phú, đa dạng: múa tập thể, rối nước, rối bóng, rối mặt nạ và cả những màn vũ kịch [4; 204].

Trong các buổi biểu diễn văn nghệ, *tính tập thể và tính dân gian* là nét điển hình của sân khấu truyền thống Đông Nam Á. Đây là hình thức múa hát tập thể, có sự "hòa xướng" giữa người biểu diễn và người xem, hay nói khác hơn, mọi thành viên có mặt trong sân khấu đều có thể tham gia, vừa là khán giả, vừa là diễn viên trong không khí náo nức, chan hòa của buổi diễn [1; 135]. Do sống trong môi trường như thế, cho nên, cư dân Đông Nam Á quanh năm luôn tấm mình trong các lễ hội dân gian [8; 29].

Sân khấu truyền thống Đông Nam Á còn mang đậm *tính tổng hợp*, trong các vở diễn bao giờ cũng bao gồm cả ba yếu tố: ca - múa - diễn gắn liền với nhau. Người diễn

viên khi đứng trên sân khấu thì đòi hỏi phải đáp ứng nhiều khả năng: vừa biết hát, múa và cũng vừa biết diễn.

Sân khấu truyền thống Đông Nam Á còn mang *tính biểu trưng, ước lệ*, tất cả các hình ảnh trên sân khấu chỉ là hình thức chứ không giống hành động thật ngoài đời như sân khấu phương Tây. Ví như, diễn cảnh giả, sàng gạo đều không có cối, sàng; cảnh dong buồm, chèo thuyền, tung lưới bắt cá đều không có thuyền lưới; hay phi ngựa mà không có ngựa; uống trà mà không có ấm, tách [4; 208].

Tính tôn giáo, tín ngưỡng là nguồn gốc hình thành nên sân khấu truyền thống Đông Nam Á. Yếu tố tâm linh bộc lộ rõ nét trong các trò diễn: rối bóng, rối nước và đặc biệt là rối mặt nạ [4; 208]. Dù tên gọi của hình thức múa rối này có khác nhau: ở Campuchia gọi là Lokhon; người Lào gọi là múa rối Pu như nha như, Mianma gọi là Nát, Thái Lan gọi là Khon, trong đó tính chất tôn giáo của Wayang Topeng (rối mặt nạ) ở Indônêxia và Malaixia là đậm nét nhất [4; 209] nhưng đều thể hiện yếu tố tâm linh tôn giáo và tín ngưỡng bản địa, cầu mong về sức mạnh, sự may mắn, hòa thuận và hạnh phúc, đồng thời cũng biểu hiện niềm tin của con người vào sự phù trợ của các đấng thần linh tối cao [1; 138].

Trong các vở diễn truyền thống Đông Nam Á còn mang *tính nhân văn cao cả*, tập trung ca ngợi những người lao động với những phẩm chất cao quý như lòng thủy chung, tính thật thà, đức vị tha, tấm lòng nhận hậu,... Hầu hết các tiết mục, các trò diễn ở nhiều nước trong khu vực đều phản ánh các hoạt động lao động, các câu

chuyện tình, những quan hệ bạn bè, gia đình và cộng đồng. Song phần lớn vẫn là các đề tài lịch sử kể về những chiến công của các vị anh hùng dân tộc. Trong nhiều vở diễn của Lào, Campuchia, Việt Nam, Thái Lan đều có những bài hát ca ngợi truyền thống dân tộc, ca ngợi lao động cần cù của người nông dân, những ca khúc, trò diễn, bênh vực người nghèo, chế giễu, đả kích bọn giàu sang, ác bá [8; 271 - 272].

Bên cạnh những nét tương đồng, gần gũi nghệ thuật truyền thống các nước trong khu vực vẫn có những nét khác biệt, tạo nên sắc thái riêng, đặc trưng của mỗi nước. Thí dụ: nghệ thuật sân khấu Indônêxia, gắn liền với điều kiện địa lý của hàng ngàn hòn đảo, nên nghệ thuật ở đây đa dạng, nhiều sắc thái; sân khấu Malaixia song song cùng tồn tại ba loại hình sân khấu, vì trên đất nước này có chung ba dân tộc: Ấn, Hoa, Mã Lai [8; 277 - 278]. Sân khấu truyền thống Đông Nam Á cũng chứa tính dân gian với hàm lượng khác nhau ở mỗi nước, nhân tố ca hát trong sân khấu Việt Nam là chủ yếu, trong khi ở Indônêxia, Malaixia, Campuchia,... nhân tố vũ đạo lại xuyên suốt vở diễn.

Tóm lại trong các thành tố của văn hóa Đông Nam Á, người ta đều dễ dàng tìm thấy sự tương đồng trong muôn hình muôn vẻ của các quốc gia, dân tộc nơi đây. Với bề dày của bản sắc văn hóa chung của Đông Nam Á “thống nhất trong đa dạng”, đang là một động lực thúc đẩy cho cả cộng đồng dân tộc trong khu vực hiểu biết và xích lại gần nhau hơn, tích cực phát huy sức mạnh vốn có của mình để cùng nhau xây dựng một khu vực Đông Nam Á hòa

bình, ổn định, hợp tác và phát triển, cùng có những bước tiến dài trong quá trình hội nhập thế giới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Trung Kiên. 2007. *Tìm hiểu nền văn minh Đông Nam Á. Hà Nội*: NXB Giáo dục.
2. Đoàn Văn Phúc. 1997. *Sự hình thành và phát triển chữ viết của các dân tộc Đông Nam Á; Các ngôn ngữ Đông Nam Á trong sự giao lưu phát triển*. Hà Nội: NXB KHXH.
3. Lương Ninh (chủ biên), Nguyễn Gia Phú, Đinh Ngọc Bảo và Dương Duy Bằng. 2003. *Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
4. Mai Ngọc Chừ. 1999. *Văn hóa Đông Nam Á*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nghiêm Đình Vỹ (chủ biên), Lại Bích Ngọc, Lương Kim Thoa và Nguyễn Văn Đoàn. 2004. *Lịch sử thế giới cổ trung đại (Giáo trình Cao đẳng Sư phạm)*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
6. Ngô Văn Doanh và Vũ Quang Thiện. 1996. *Những phong tục lạ ở Đông Nam Á*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
7. Ngô Văn Lệ. 2003. *Một số vấn đề về văn hóa tộc người ở Nam Bộ và Đông Nam Á*. TP Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc Gia Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Phan Thọ. 1999. *Nghệ thuật truyền thống Đông Nam Á*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
9. Nguyễn Tấn Đắc. 2003. *Văn hóa Đông Nam Á*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
10. Phan Ngọc Liên. 2002. *Lược sử Đông Nam Á*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
11. Trần Bình Minh. 2000. *Những tương đồng giữa các lễ hội cổ truyền Đông Nam Á*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.